

Bản án số: 20/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 08/8/2017

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

+Các Hội thẩm nhân dân: 1-Ông Trần Ngọc Đồi

2-Bà Xích Thị Bích Nhi

-Thư ký phiên tòa: Ông Thanh Trúc Tuyên-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa:
Ông Trần Thông-Kiểm sát viên

Ngày 08/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2017/TLST-HNGĐ ngày 03/3/2017, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/7/2017, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: chị Dương Thị B, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn ML, xã PT, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận

-Bị đơn: anh Nguyễn Tuấn M, sinh năm 1982

Địa chỉ: khu phố XA 1, thị trấn CL, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn-chị Dương Thị B trình bày: Sau thời gian tìm hiểu yêu thương nhau, được sự chấp thuận của hai bên gia đình, vào năm 2005 chị và anh Nguyễn Tuấn M tổ chức đám cưới và chung sống với nhau đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Mai S (sinh ngày 19/4/2006), Nguyễn Thị Ngọc S (sinh ngày 16/02/2009). Đến thời gian sau này thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do khác nhau về tư tưởng, hoàn cảnh sống không phù hợp; Ngoài ra, anh M còn thường hay xúc phạm và đánh đập chị. Vì vậy, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận chị và anh Nguyễn Tuấn M là vợ chồng.

-Về con chung: yêu cầu được nuôi 02 con và yêu cầu anh Nguyễn Tuấn M cấp dưỡng nuôi con 200.000đồng/con/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

-Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn-anh Nguyễn Tuấn M trình bày: Thống nhất với lời khai của chị Dương Thị B về thời gian sống chung và con chung, còn việc vợ chồng có đăng ký kết hôn hay không anh không nhớ, anh nhớ là có tiến hành làm thủ tục kết hôn tại UBND thị trấn CL. Nay, chị Dương Thị B cương quyết ly hôn, anh đồng ý; Về con chung thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo nguyện vọng của các con; Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Không công nhận chị Dương Thị B và anh Nguyễn Tuấn M là vợ chồng.
- Về con chung: Giao con tên Nguyễn Thị Mai S (sinh ngày 19/4/2006) cho chị Dương Thị B nuôi dưỡng, giao con tên Nguyễn Thị Ngọc S (sinh ngày 16/02/2009) cho anh Nguyễn Tuấn M nuôi dưỡng; Chị Dương Thị B và anh Nguyễn Tuấn M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

1-Về thủ tục tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Tuấn M đến Tòa để lấy lời khai, hòa giải và tiến hành các thủ tục tố tụng khác, nhưng anh M không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Do đó, Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được, nên đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2-Về nội dung:

Tại phiên tòa hôm nay, chị Dương Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận chị và anh Nguyễn Tuấn M là vợ chồng; Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Sau thời gian tìm hiểu yêu thương nhau, được sự chấp thuận của hai bên gia đình, vào năm 2005 chị Dương Thị B và anh Nguyễn Tuấn M tổ chức lễ cưới và sống chung từ đó đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn. Nay, chị B yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận chị và anh M là vợ chồng, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này của chị B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận tuyên bố không công nhận chị Dương Thị B và anh Nguyễn Tuấn M là vợ chồng.

Về con chung: Tại phiên tòa hôm nay, chị Dương Thị B và anh Nguyễn Tuấn M thống nhất thỏa thuận: Giao con tên Nguyễn Thị Mai S (sinh ngày

19/4/2006) cho chị Dương Thị B nuôi dưỡng, giao con tên Nguyễn Thị Ngọc S (sinh ngày 16/02/2009) cho anh Nguyễn Tuấn M nuôi dưỡng; Chị Dương Thị B và anh Nguyễn Tuấn M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét sự thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội và hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

Về tài sản chung và nợ chung: Do không có ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về án phí: Chị Dương Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Tuyên xử:

1-Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Dương Thị B và anh Nguyễn Tuấn M là vợ chồng.

2-Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của chị Dương Thị B và anh Nguyễn Tuấn M, cụ thể: Giao con tên Nguyễn Thị Mai S (sinh ngày 19/4/2006) cho chị Dương Thị B nuôi dưỡng, giao con tên Nguyễn Thị Ngọc S (sinh ngày 16/02/2009) cho anh Nguyễn Tuấn M nuôi dưỡng; Chị Dương Thị B và anh Nguyễn Tuấn M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị Dương Thị B và anh Nguyễn Tuấn M được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

3-Về án phí: Chị Dương Thị B phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009220 ngày 03/03/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình, chị Dương Thị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/8/2017).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện B.Bình;
- THADS huyện B.Bình;
- Lưu HS, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái